

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2023 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 1990 ông (Nguyễn Văn H) và bà Trần Thị D xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên tranh cãi. Ông và bà Trần Thị D không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D. Về con chung có 03 người tên là Nguyễn Văn C (giới tính nam) sinh năm 1989; Nguyễn Thị L (giới tính nữ), sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng M (giới tính nam), sinh ngày 17/7/2003. Hiện cả ba người con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ

chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị D vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3]. Xét về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên ông Nguyễn Văn H yêu cầu được ly hôn bà Trần Thị D. Do hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H xác định, ông và bà Trần Thị D có 03 người con là Nguyễn Văn C (giới tính nam) sinh năm 1989; Nguyễn Thị L (giới tính nữ), sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng M (giới tính nam), sinh ngày 17/7/2003. Hiện cả ba người con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung ông Nguyễn Văn H xác định không có, đồng thời không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn H đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018532 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước